

Lời cuối

Tôi bỏ ra 8 năm để viết cuốn sách tiếng Pháp « De Père Inconnu » (Cha Vô Danh). Trong phần tìm kiếm tung tích của cha, tôi kể là đã làm hết cách nhưng vẫn không tìm ra hồ sơ cá nhân của ông trong văn khố, nên cuối cùng không biết gì hơn về ông, ngoài chuyện ông là một sĩ quan Pháp chết tại Lạng Sơn khi tôi mới có một tuổi. Câu cuối cùng trong cuốn sách là « *Nhưng rồi người cha đó vẫn chỉ muốn là cha vô danh.* »

Trong cuốn sách đó, tôi thay đổi tên các nhân vật có thật để không đụng chạm đến đời tư của từng người. Tên Jean Martin trong sách là do tôi đặt ra, thật ra là Jean Gaillard. Đó cũng chính là tên của tôi trước khi làm lại giấy tờ thế vì khai sinh để lấy tên Phạm Ngọc Lân. Tên Jean họ Gaillard được ghi rõ trong bản án của Tòa Sơ Thẩm Sài Gòn năm 1948, bản án thay cho giấy khai sinh và giấy chứng nhận quốc tịch Pháp. Đến nay, vẫn còn bạn cũ từ thời trung học gọi tôi là Gaillard, một cách gọi thân mật để gọi lại thời thơ ấu ít ai biết.

Tên « Ngọc Lân » được mẹ và bà ngoại đặt ra khi tôi mới lọt lòng, nhưng tôi chưa khi nào thấy tờ giấy khai sinh với tên Nguyễn Ngọc Lân cả. Nguyễn là họ mẹ. Tôi cũng không biết lúc đó mẹ tôi có làm thủ tục khai sinh cho tôi không. Năm 1944 thời loạn lạc, không khai sinh ngay cho con là chuyện thường tình, không ai thắc mắc cả. Sau đó phải chạy loạn mấy năm liền, không ai có bụng dạ nào để lo chuyện giấy tờ. Từ Sài Gòn chạy về quê ở làng Hà Hồi tỉnh Hà Đông, rồi tản cư lên Phú Thọ, rồi Phúc Yên, trước khi hồi cư về Hà Nội năm 1948. Lúc đó tôi mới có giấy tờ chính thức tên Jean Gaillard như nói trên. Ở nhà mọi người gọi tôi là Lân, nhưng đến trường học mọi người gọi tôi là Gaillard. Thời đó tôi không khi nào đặt câu hỏi tại sao như thế, vì quen như thế rồi. Bạn học ai cũng biết như thế, và cũng không ai thắc mắc.

Nhà xuất bản L'Harmattan ở Paris ấn hành cuốn « De Père Inconnu » tháng 2 năm 2015. Không ngờ một phép lạ đã xảy ra sau khi cuốn sách được phát hành. Dĩ nhiên « phép lạ » là do tôi nghĩ thế, và cũng tin tưởng như thế, còn có phải thật như thế không, tôi không biết.

Ít lâu trước khi xuất bản, vào tháng 10 năm 2014, tôi quay trở lại văn khố quân đội Pháp trong lâu đài Vincennes. Những năm trước đó, tôi miệt mài viết cho xong cuốn sách, không còn đến văn khố nữa vì xem như đã làm hết sức mình mà không tìm được hồ sơ cá nhân cha mình để biết thêm về ông. Lần này quay trở lại với hy vọng có cái gì mới có thể giúp mình lần cuối trước khi hoàn tất cuốn sách chẳng. Quả thật lâu đài Vincennes đã thay đổi nhiều, nhà nước bỏ ra rất nhiều tiền để chỉnh trang mấy ngôi nhà cổ từ nhiều thế kỷ trước trong khuôn viên lâu đài. Đồng thời các tiến bộ trong ngành tin học cũng giúp ích rất nhiều trong cách thức tìm kiếm tài liệu, giờ đây hữu hiệu hơn.

Sau 6 năm không trở lại đây, tôi hơi ngỡ vì khung cảnh có khác, phòng nghiên cứu tài liệu đã dời qua một ngôi nhà mới tân trang lại. Lên lầu đến nơi tiếp khách, tôi gặp một người đàn bà Á Châu ngồi sau bàn chào đón khách. Sau vài câu xã giao tôi bạo miệng hỏi có phải bà là người Việt Nam không. Thì đúng vậy, bèn nói tiếng Việt với bà và kể việc tôi đã đến đây tìm tung tích cha nhiều lần rồi, vẫn chưa có kết quả. Giờ đây tôi muốn thử một lần cuối trước khi xuất bản sách, xem có gì thay đổi trong cách sắp xếp tài liệu, may ra có thể giúp tôi tìm được hồ sơ thất lạc chẳng. Bà sốt sắng giúp bằng cách tìm thẳng trên màn hình của máy vi tính (6 năm trước, ở chỗ tiếp khách chưa làm được như vậy), và bà nói có rất nhiều Jean Gaillard trong quân đội thời đệ nhị thế chiến. Nhưng cuối cùng kết quả vẫn là không ai có thể là cha tôi cả. Tôi ra về, cũng không lấy gì làm thất vọng vì đã đoán trước là sự việc sẽ như thế.

Ngày 4 tháng 2-2015 là ngày đầu tiên cuốn sách De Père Inconnu được nhà xuất bản L'Harmattan công bố. Nghĩ đến những người đã giúp mình trong văn khố ở lâu đài Vincennes trước đây, tôi quyết định sẽ tặng thư viện của văn khố này cuốn sách của mình. Cuối tháng 3-2015, từ Toulouse lên Paris để dự mấy buổi giới thiệu sách, nhân tiện tôi đem một cuốn đến lâu đài Vincennes. Hôm đó cùng đi có nhà tôi, đó là lần đầu nhà tôi đến văn khố này.

Lên lầu, tôi gặp lại bà người Việt ngồi ở bàn tiếp khách. Bà còn nhớ và hỏi tôi có tiến triển gì trong công cuộc tìm kiếm không. Tôi trả lời không và nói thêm hôm nay tôi chỉ đến để tặng cuốn sách mới phát hành cho thư viện, không phải để tìm kiếm gì nữa cả. Tự nhiên bà sực nhớ ra một điều : « *Ở đây có một chuyên viên văn khố đã giúp nhiều người tìm hồ sơ cha trong kho lưu trữ, những người cũng lai Pháp như ông. Nếu ông muốn để tôi hỏi ông ấy xem sao.* » Nghe thế tôi cũng trả lời « *Vâng* » để không phụ lòng người muốn giúp mình. Chẳng lẽ lại nói là tôi đã làm mọi cách rồi, tôi đã nhờ rất nhiều chuyên viên rồi, ai cũng đầy thiện chí, nhưng nếu hồ sơ đã bị thất lạc trong thời Đức Quốc Xã chiếm đóng nước Pháp thì chẳng ai giúp gì được nữa.

Bà nhắc điện thoại quay số, không ai trả lời. Bà viết vào tờ giấy tên ông này là Philippe Lafargue, và cho tôi số điện thoại, bảo mai về gọi cho ông ấy, nói bà giới thiệu.

Vài ngày sau khi về lại Toulouse, nhà tôi nhớ ra và nhắc tôi gọi ông Lafargue. Bấm số điện thoại không ai trả lời, tôi để lại lời nhắn. Ngày hôm sau Philippe Lafargue gọi lại, được biết ông cấp bậc Thượng Sĩ Nhất, sắp về hưu. Ông xác nhận có giúp nhiều người Việt lai Pháp tìm tung tích cha, nhiều khi tìm ra, đôi khi không. Tôi kể đầu đuôi câu chuyện của mình. Ông hỏi tôi, chỉ nghe mẹ kể thôi hay là có cái gì cụ thể hơn, vì theo ông nhiều khi mẹ kể chuyện không chính xác, nhiều khi người cha tô vẽ thêm về mình. Tôi xác nhận là tìm được trong văn khố ở Vincennes hai danh sách có tên cha tôi trong đó, nhưng không tìm ra hồ sơ cá nhân của ông, có thể hồ sơ bị thất lạc trong thời gian quân Đức Quốc Xã chiếm đóng nước Pháp thời đệ nhị thế chiến chằng.

Ông Lafargue quả quyết không có hồ sơ nào của sĩ quan quân đội Pháp bị thất lạc cả, nếu không thấy là vì chưa tìm đúng chỗ, đúng cách thôi. Ông nói tôi gửi cho ông xem bản chụp hai tài liệu tôi tìm ra. Tôi đã có sẵn trong máy vi tính nên chỉ mấy phút sau đã gửi xong.

Một giờ sau ông gọi lại và nói : « Tôi tìm ra hồ sơ cá nhân của cha ông rồi. Cha ông không phải tên Jean Gaillard, mà tên Jean Caillard. Trong 2 danh sách ông gửi cho tôi, tuy chữ đánh máy từ xưa có lu mờ, nhưng tôi vẫn đọc được là Caillard. »

Thật là một cú sét đánh ! Một chuyện không tưởng tượng nổi ! Thật khó tả nỗi vui mừng lẫn với điều ngạc nhiên trước một sự kiện đơn giản như thế mà quan trọng đến thế ! Tôi mất bao nhiêu công sức, bao nhiêu thời gian, không tìm ra hồ sơ cá nhân cha tôi, ông này trong vòng một tiếng đồng hồ tuyên bố đã tìm ra rồi ! Tôi gọi nhà tôi báo tin mừng, nhà tôi bật khóc.

Đó là ngày mùng 2 tháng 4. Nếu một ngày trước đó đã có thể nghĩ đến chuyện « cá tháng tư » rồi, nhưng chắc cũng chẳng có ai nở lòng nào mà đùa cá tháng tư với một chuyện tình cảm quan trọng như thế.

Vội vàng xem lại thật kỹ hai danh sách, thì đúng như ông Lafargue nói, một trong hai bảng có chữ C của Caillard không rõ lắm, có thể nghĩ là G, nhưng trong bảng thứ hai, tuy lu mờ nhưng ngả về chữ C hơn là chữ G. Thế mới biết phải cần một « mắt mới » để khám phá ra một điều mà một « mắt cũ » như tôi không thấy. Tất cả là vấn đề tâm lý. Tôi mang tên Jean Gaillard suốt đời, và định ninh đó cũng là tên họ của cha mình, nên khi đọc thấy tên mờ ảo trên một tờ giấy mỏng có từ hơn 70 năm trước thì không cần xem kỹ, chắc chắn đó là Gaillard rồi.

Như vậy là suốt thời gian tìm kiếm, tôi đã đi tìm một cái bóng. Tên đã không đúng thì làm cách nào mà tìm ra hồ sơ cá nhân của một người không có thật ?

Ông Lafargue viết cho tôi một điện thư xác nhận : « Tôi đã tìm ra hồ sơ của cha ông, Trung Úy Jean Louis Caillard mất ngày 11 tháng 3-1945. Hồ sơ có mã số 8YE 69722. Tôi đã làm phiếu để xem hồ sơ này, nay mai sẽ có, nhưng tôi đi phép đến ngày 14 tháng 4, khi trở lại làm việc tôi sẽ liên lạc với ông. »

Hai tuần chờ đợi... hai tuần ngẫm nghĩ sự đời. Có phải là phép lạ không ? Nếu là sự tình cờ, sao có nhiều trùng hợp lạ lùng như thế ? Nếu tôi không trở lại văn khố vào tháng 10-2014 (cũng không hiểu sao tôi trở lại vào lúc đó, vì trong thâm tâm tôi vẫn nghĩ là mình đã làm hết sức mình rồi, trở lại đây cũng chỉ mất công thôi)... Nếu lúc trở lại tôi không gặp người đàn bà Việt Nam (bà ta nói làm việc ở đây lâu rồi, nhưng có nhiều người thay phiên nhau, không phải lúc nào bà cũng ngồi đấy, và đây là lần đầu tiên tôi gặp bà)... Nếu khi sách xuất bản tôi không có ý trở lại văn khố tặng sách... Nếu khi đến tặng sách không gặp bà người Việt... Nếu bà người Việt không sực nhớ ra ông Lafargue (6 tháng trước bà có nhớ ra đâu, nếu nhớ ra thì kết luận cuốn sách tiếng Pháp đã khác rồi)... Nhiều chữ « nếu » quá. Có một ông Tây nào đó nói là « với những chữ « nếu », tôi có thể bỏ tháp Eiffel vào trong một cái chai » ! Hay là nhờ có vợ tôi lần đầu tiên đi cùng đã mang lại may mắn cho tôi ?

Chung quy có một điều chắc chắn : việc cuốn sách được xuất bản là sự kiện quan trọng trong việc tìm ra tung tích cha tôi.

Ngày 14-4 tôi viết điện thư nhắc ông Lafargue. Hôm sau ông điện thoại : « Tôi có hồ sơ cá nhân của cha ông tên Jean Caillard trước mắt tôi đây rồi. Jean Caillard sinh năm 1915 tại Nouméa bên Nouvelle Calédonie¹, cha tên Edmond, người anh cả là bác sĩ cũng tên Edmond, đã có lúc ở vùng Dordogne miền nam nước Pháp. Jean Caillard qua Đông Dương năm 1941. Tôi có máy chụp hình đặc biệt để chụp tài liệu, tôi có thể chụp tất cả giấy tờ trong hồ sơ này rồi gửi cho ông. »

Tôi nói ngay : « Cám ơn ông thật nhiều, nhưng tôi muốn đến tận nơi xem tận mắt sờ tận tay các giấy tờ liên quan đến cha tôi, lúc đó sẽ chụp hình sau. Ông có thể giữ hồ sơ đó đến khi tôi lên Paris không ? »

Ông Lafargue trả lời không có vấn đề gì cả, và chúng tôi hẹn nhau ngày 28 tháng 4-2015 gặp nhau tại phòng làm việc của ông trong lâu đài Vincennes.

Đó là ngày 15 tháng 4-2015, thêm một ngày đáng ghi nhớ.

Trong khi chờ đợi lên Paris nhìn tận mắt, cầm tận tay từng tờ giấy cũ hơn 70 năm viết về cha tôi, tôi tìm trên Internet hai chữ Caillard và Nouméa. Khá nhiều kết quả, nhưng quan trọng đối với tôi là một Wikipedia viết về bác sĩ Edmond Caillard là bác của tôi. Bác Edmond là con cả trong một gia đình 4 con, ông sinh năm 1912, rồi đến bác gái Christiane sinh năm 1913, cha tôi Jean sinh năm 1915, và chú là André sinh năm 1923.

Bác sĩ Edmond cũng sinh ở Nouméa, sau khi đậu Tú Tài qua Pháp học Y khoa. Tốt nghiệp xong xảy ra Đệ Nhị Thế Chiến, ông phục vụ trong ngành Quân Y. Khi Pháp thua trận phải ký hiệp định đình chiến và chia nửa nước Pháp cho Đức Quốc Xã, ông bị bắt làm tù binh, nhưng sớm vượt ngục và trốn về vùng Dordogne, mở phòng mạch ở một ngôi làng trong vùng này. Sáu tháng sau ông lên mở phòng mạch tại Saint-Just-en-Chaussée, một thành phố nhỏ phía bắc của Paris trong vùng bị Đức tạm chiếm. Tại đây ông tham gia kháng chiến chống Đức Quốc Xã bằng cách cứu các phi công Đồng Minh bị bắn hạ. Hết chiến tranh ông trở lại Nouméa năm 1946. Ông được nhiều huân chương của Pháp cũng như các nước đồng minh Mỹ, Anh, Úc, Bỉ... vì những việc ông làm trong thời kháng chiến chống Đức.

Trong bài Wikipedia này có nhắc đến 4 người con của bác sĩ Edmond là Jean-Paul, Michel, François và Odile.

Đánh « Jean-Paul Caillard » vào Google, tôi thấy ngay tên người anh con bác ruột này, hiện cũng sống ở Nouméa. Anh cũng là bác sĩ, đồng thời cũng là một khuôn mặt được biết đến nhiều vì những hoạt động chính trị và nhân quyền, được mời đều đặn lên đài truyền hình địa phương khi có tranh luận bàn tròn. Nhờ vậy tôi thấy hình ảnh của anh Jean-Paul khi lên đài truyền hình, và tìm cách liên lạc với anh ấy. Cũng không dễ dàng, phải tìm ra một địa chỉ điện thư là đầu mối liên lạc. Sau rất nhiều mày mò, tìm trong các lần tranh luận trên đài truyền hình, tôi thấy một địa chỉ điện thư được dùng từ năm 2012 để trả lời ý kiến khán giả.

Tôi bèn viết điện thư cho anh Jean-Paul, nói ngay vào đề không vòng vo tam quốc gì cả, rằng tôi là em con chú của anh, con của Jean Caillard, và gửi kèm ảnh chụp bìa cuốn sách De Père Inconnu, có tấm hình của tôi ở bìa sau.

Ngày hôm sau tôi nhận được thư trả lời của anh Jean-Paul, nói rằng rất cảm động khi nhận được tin này, và không nghi ngờ gì về liên hệ gia đình vì trong hình tôi quá giống ông nội, bác trai, bác gái và nhất là người chú André.



Ảnh của Jean Caillard (người cha) lúc 25 tuổi và tác giả (người con) lúc 24 tuổi.

Sau đó là những trao đổi điện thư và điện thoại qua Skype giữa tôi và anh Jean-Paul cùng những anh chị em khác, tất cả đều hân hoan chào đón một người trong họ « trên trời rơi xuống ». Vì không ai biết và cũng không ai ngờ là Jean Caillard có hậu duệ. Cha tôi sinh ra ở Nouméa, đậu tú tài xong cũng qua Paris

học. Sau khi tốt nghiệp HEC và Cử Nhân Luật ông phải làm nghĩa vụ quân sự một năm rưỡi. Trở về đời sống dân sự được vài tháng lại bị động viên vì xảy ra Đệ Nhị Thế Chiến, cuối cùng qua Đông Dương năm 1941. Bức thư cuối cùng gửi về gia đình vào cuối năm 1941, sau đó không còn tin tức gì nữa. Cuối năm 1945 hết chiến tranh vẫn không có tin tức gì, mãi về sau mới biết là ông bị Nhật sát hại lúc đảo chính Nhật. Ông nội tôi có qua Việt Nam, đến Lạng Sơn năm 1950 chỉ thấy đài tưởng niệm chiến sĩ trận vong, không biết con mình chôn vùi ở đâu.



Hình chụp năm 1950 tại Lạng Sơn : đài tưởng niệm chiến sĩ trận vong Pháp bị tử trận hoặc bị quân Nhật sát hại năm 1940 (đài phía trước) và tháng 3-1945 (đài phía sau)

Như vậy là từ năm 18 tuổi cha tôi từ Nouméa ra đi không có dịp nào trở về thăm cố hương ở Nouvelle Calédonie, để rồi mất tích thảm thương lúc cuộc chiến sắp tàn. Vì vậy mọi người trong gia đình đều thương xót một người con vắng số. Và tất cả hình ảnh thư từ được giữ gìn cẩn thận như những kỷ vật quý báu. Chỉ trong thời gian ngắn sau khi liên lạc với gia đình Caillard, tôi đã có tất cả những kỷ vật này trong tay.

Thật bàng hoàng vì đến năm 71 tuổi tôi vẫn còn là một người chỉ có họ hàng bên ngoại, cũng rất ít vì mẹ tôi là con một. Nay bỗng nhiên tôi có một bà thím (vợ của chú André đã mất), 7 người anh em con bác, con cô, con chú, và gia đình con cháu của các anh chị em đó, một gia đình lớn đón tiếp tôi thật nồng hậu. Đó là điều làm tôi cảm động nhất. Phải ở trong hoàn cảnh một con lai Pháp (hay lai Mỹ sau này) mới thông cảm được tâm tư đó. Tôi quen biết nhiều người cũng cha Pháp mẹ Việt như tôi, khi tìm ra tung tích cha, dù còn sống hay đã chết, cũng chỉ được gia đình người cha tiếp đãi một cách tẻ nhạt. Có nhiều khi họ còn không muốn gặp mặt. Nếu người cha còn sống, có trường hợp ông cũng tha thiết với đứa con rơi của mình, nhưng cũng có trường hợp ông chỉ bày tỏ tình cảm cho có lệ, vì không muốn làm phiền đến gia đình vợ con chính thức của mình. Phải thú thật khi quyết định tìm tung tích cha tôi, tôi cũng đã chuẩn bị sẵn tinh thần có thể sẽ không được chấp nhận như một người trong gia đình. Nhưng tôi không bị rơi vào hoàn cảnh đó. Nhiều người vẫn nói số tôi có « hậu vận tốt ».

Thêm một chuyện tình cờ là ngày thứ bảy 20 tháng 6-2015, tại thành phố Saint-Just-en-Chaussée phía bắc nước Pháp, chính quyền sở tại tổ chức một buổi lễ long trọng tôn vinh bác sĩ Edmond Caillard là anh cả của cha tôi. Như đã nói trên, trong đệ nhị thế chiến, ông hành nghề tại đây và tham gia kháng chiến với nhiều công trạng cứu giúp phi công Đồng Minh bị bắt hạ. Nay thành phố làm buổi lễ khánh thành một tấm bia tưởng niệm, một con đường mang tên ông, và một phòng triển lãm. Nhân dịp này gia đình con cháu ông từ Nouvelle-Calédonie qua, cùng với một số sống bên Pháp, tụ họp tại đây trong ngày lễ đó. Hai vợ chồng tôi được mời cùng với gia đình hai con, thêm dâu rể và 6 cháu nội ngoại. Lần đầu tiên dòng họ nhà Caillard biết mặt thành phần hùng hậu của một chi nhánh từ Việt Nam.

Đó là lần đầu tôi gặp hai anh Jean-Paul và François, cùng chị Odile, 3 người con ông bác. Trước đó tôi đã có dịp gặp Christiane là em con ông chú André, sống trong vùng Paris, cùng mẹ là bà thím Yvonne từ Nouméa qua. Trong tất cả những lần gặp gỡ đó, tôi cảm thấy được hơi ấm của người có máu mủ dù mới gặp lần đầu. Sau đó anh Jean-Paul và chị Odile xuống nhà tôi ở chơi mấy ngày, anh François cũng đến dùng cơm thân mật.



Hình chụp ngày hội ngộ của gia đình tác giả với đại gia đình Caillard ở Saint-Just-en-Chaussée, 20 tháng 6-2015, trước bia tưởng niệm Bác sĩ Edmond Caillard.

Tháng 11 hai vợ chồng tôi được mời qua Nouvelle-Calédonie. Tuần lễ đầu là một cuộc du ngoạn quần đảo Vanuatu² phía Bắc của Nouvelle Calédonie do Philippe là người em con ông chú tổ chức cho hai vợ chồng tôi đi cùng bà thím và 5 anh em họ. Mục đích là một cuộc « hành hương » thăm lại đồn điền của Edmond Caillard là ông nội của tất cả đám anh em chúng tôi, đến đây lập nghiệp từ năm 1902. Sau đó ở Nouméa tổ chức một buổi họp mặt họ hàng gồm hơn 50 người trong họ hai bên nội ngoại, tất cả 4 thế hệ. Được biết đó là lần đầu có buổi họp mặt như thế, để gặp mặt một người họ hàng « mới trên trời rơi xuống » ! Và một buổi khác kỷ niệm ngày sinh thứ 100 của cha tôi. Anh Jean-Paul cũng là người tình nguyện làm « hướng dẫn viên du lịch » đưa hai vợ chồng tôi đi một vòng đảo trong ba ngày. Cũng chính anh tổ chức cho đài truyền hình và đài phát thanh phỏng vấn tôi về câu chuyện ly kỳ tìm ra tung tích cha khi đã 71 tuổi. Và một buổi diễn thuyết tại một bảo tàng viện ngay trung tâm thành phố.

Sau chuyến đi đó, tôi cảm thấy đã thực sự được dòng họ bên người cha trước đây còn « vô danh », xem tôi như ruột thịt.

*

Có một thắc mắc mà những chuyện vui dồn dập đến từ khi tìm ra họ hàng về phía nội làm tôi không có giờ đào sâu thêm, dù nó vẫn lớn vồn trong đầu. Vì sao tôi được đặt tên là Jean Gaillard, trong lúc cha tôi là Jean Caillard ? Nhắc lại là Jean Gaillard là tên họ chính thức của tôi ghi trên một bản án của tòa Sơ Thẩm Sài Gòn năm 1948, sau khi ông Trung Tá hồi hưu làm thủ tục để tôi có quốc tịch Pháp. Muốn làm thủ tục này, ông phải hỏi mẹ tôi về cha, chính mẹ cho ông biết tên họ, cấp bậc, nơi đóng quân năm 1943.

Phản xạ đầu tiên của tôi là mẹ tôi nhớ lầm, Caillard thành ra Gaillard, hoặc là nhớ đúng nhưng đọc không rõ nên ông Trung Tá tưởng là Gaillard. Nhưng nghĩ kỹ hơn thì có cái gì không ổn trong giả thiết này. Vì ông Trung Tá đã tìm ra hồ sơ của cha tôi và cho mẹ tôi biết là cha tôi chết ở Lạng Sơn, như vậy là cái tên mẹ tôi nói ra phải đúng, nếu không làm sao tìm ra hồ sơ ? Nếu ông tìm một người tên Gaillard thì không có ai tên như vậy chết ở Lạng Sơn cả, ông cũng sẽ thất bại như tôi đã thất bại trong thời gian qua. Hơn nữa, bây giờ tôi mơ hồ nhớ lại là khi nói về cha, có lúc tôi nghe mẹ nói Caillard, nhưng nghe rồi chỉ bỏ qua vì nghĩ là mẹ mình phát âm không rõ.

Về sau này, cũng do một sự tình cờ, tôi mới có được câu trả lời đích đáng cho thắc mắc này.

Thời Việt Nam còn nằm trong Đông Dương thuộc Pháp, có một hiệp hội từ thiện giúp đỡ con lai tên là FOEFI (đã mô tả trong đoạn 64 của sách này). Hiệp hội đó đã tự giải tán từ lâu vì không còn con lai Pháp ở Việt Nam để cứu giúp nữa, nhưng một số những con lai được mang về Pháp nuôi cho ăn học nay đã lớn tuổi lập ra một Hội Ái Hữu Cựu FOEFI. Chính ông Philippe Lafargue (người giúp tôi tìm ra hồ sơ cha) giới thiệu tôi với người chủ tịch hội ái hữu này. Tình cờ người này cũng sống trong vùng chung quanh thành phố Toulouse, không xa nhà tôi bao nhiêu. Tôi cũng muốn tìm hiểu về cuộc sống của những người

lai Pháp do FOEFI bảo trợ nên mời người chủ tịch đó đến nhà chơi, trao đổi kỷ niệm. Khi tôi kể đã tìm ra gia đình bên nội nhờ ông Lafargue sáng suốt nhận ra chữ « C » thay vì chữ « G », và thắc mắc không hiểu vì sao cha tôi là Caillard mà trên giấy thế vì khai sinh của tôi lại ghi là Gaillard, ông nói ngay : « *Thì dĩ nhiên rồi, đó là Tòa Sơ Thẩm Sài Gòn cho ông cái họ Gaillard, đó có phải là họ cha ông đâu !* » « *Ừ, sao lạ vậy, cha tôi họ Caillard, mà sao tòa án lại cho tôi là họ Gaillard ?* » « *Tại vì ông không được cha thừa nhận, nên ông không có quyền mang họ cha. Tòa án vì lý do nhân đạo cho ông một cái họ na ná giống thôi.* » « *Ông có biết chắc như vậy không, hay chỉ đoán thôi ?* » « *Đoán sao được, trong FOEFI ai cũng biết điều này vì trường hợp tòa án sửa đổi họ như thế nhiều lắm.* »

Thì ra thế ! May mà tòa án còn nhân đạo đặt cho tôi một cái họ chỉ đổi có một chữ C thành G, nên tuy khó khăn nhưng cuối cùng đã tìm ra tung tích của cha. Nếu họ ghi vào giấy khai sinh tên họ tôi là Jean Dupont thì... chịu chết !

*

Nhờ các tài liệu trong hồ sơ sĩ quan của cha tôi, cùng các hình ảnh cũng như thư từ ông trao đổi với gia đình, giờ đây tôi có trong tay do bà thím và các anh chị họ ân cần trao lại, tôi biết thêm về cuộc đời ngắn ngủi của ông. Thêm vào đó, ông nội tôi viết nhật ký khá nhiều nên tôi cũng có được một ý niệm về lối sống bên hải đảo xa xôi vào đầu thế kỷ 20.

Ông nội tôi tên Edmond Caillard sinh năm 1885, quê ở vùng Normandie phía tây bắc nước Pháp. Ông học giỏi, đậu Tú Tài năm 17 tuổi ở thành phố Nantes. Thời đó bằng cấp Tú Tài đã là chìa khóa mở cửa cho một cuộc sống thoải mái. Nhưng mộng của ông là được đi chu du thế giới, mộng « hải hồ » của nhiều thanh niên sống trong những vùng giáp với biển cả. Để thực hiện ước muốn đó, tốt nhất là thi tuyển vào Trường Hải Quân Brest là một trường nổi tiếng của Pháp đào tạo sĩ quan Hải Quân. Nhưng ông vỡ mộng vì... cận thị nặng, không thể vào ngành Hải Quân được !

Đang thất vọng thì có ông bác, anh của mẹ, là một nhà thám hiểm đã từ lâu sang tận Nam Thái Bình Dương lập nghiệp, đang có đồn điền trên quần đảo Nouvelles Hébrides, viết thư cho em gái nói bà dắt hai đứa con trai qua bên đó ông giúp cho. Chồng bà đã mất từ mấy năm trước, nên cuộc sống chật vật, hơn nữa con trai bà muốn « đi cho biết đó biết đây », do đó, không nghe lời can ngăn của bà con gần xa, bà nhất định đem hai đứa con trai 15 và 17 tuổi đáp tàu thủy đi mấy tháng trời mới tới Nouvelles Hébrides. Tới nơi được anh của bà có biệt danh « Capitaine Briault » (Thuyền trưởng Briault) tiếp đón ba mẹ con (bà cố của tôi, ông nội Edmond và ông chú Edouard), hướng dẫn hai cậu thanh niên trong nghề phá rừng làm đồn điền, một nghề rất cực nhọc nhưng cũng phù hợp với những người có chút máu giang hồ. Sau đó ông cho mỗi người cháu một khu đất trong giang san của ông để tự lập nghiệp.

Ông nội tôi thành công trong việc lập một đồn điền trồng dừa trù phú. Nhưng muốn lập gia đình, ông phải qua Nouvelle Calédonie là thuộc địa của Pháp. Ông lấy một bà người Pháp ở Nouméa, thủ phủ của thuộc địa này, và tại đây hai ông bà có 3 người con đầu là bác Edmond sinh năm 1912, bác gái Christiane sinh năm 1913 và cha tôi là Jean sinh năm 1915. Ông phải đi đi về về giữa hai nơi Nouméa và Nouvelles Hébrides, nên sau một thời gian ông bán đồn điền bên Nouvelles Hébrides và về sống hẳn ở Nouméa, làm nghề viết báo đồng thời tham gia vào hội đồng địa phương quản lý thành phố. Sau vài năm như thế, ông quyết định trở về Pháp cùng vợ con, và đầu tư vào một hãng làm gạch. Thời gian này ông có thêm người con thứ tư là chú André sinh ở Paris năm 1923. Nhưng rồi hãng gạch thất bại, may mắn lúc đó có một tổ hợp đầu tư rất lớn (thành phần chính là Banque de l'Indochine, Ngân Hàng Đông Dương) muốn tạo lập một đồn điền trồng bông vải ở Nouvelles Hébrides. Họ tìm ông nội tôi là người có kinh nghiệm về việc này, phong cho làm Tổng Giám Đốc. Thế là cả gia đình lại trở về Nouméa sống, riêng ông nội tôi qua Nouvelles Hébrides tạo dựng một đồn điền mới ở Norsup, rộng lớn hơn đồn điền ngày xưa của ông nhiều. Ông biết là bông vải sẽ không mang được nhiều huê lợi nên trồng thêm dừa, cuối cùng đồn điền rất trù phú nhờ sáng kiến này của ông.

Trong lúc đó các con ông đều học tiểu học rồi trung học ở Nouméa. Bác Edmond đậu tú tài xong qua Pháp học y khoa, còn cha tôi cũng qua Pháp sau khi đậu tú tài nhưng học H.E.C. Paris (Hautes Etudes Commerciales) là một trường về kinh tế thương mại hàng đầu của Pháp cho tới ngày nay. Đồng thời ông cũng học thêm luật. Năm 1937 ông tốt nghiệp H.E.C. cùng lúc có mảnh bằng Cử Nhân Luật của Đại Học Luật Khoa Paris.

Trong khi học ông được hoãn dịch, nhưng học xong phải đi quân dịch (nghĩa vụ quân sự), thời gian này ông xin theo học trường sĩ quan pháo binh, tốt nghiệp Chuẩn Úy và đổi đi phục vụ tại một đơn vị ở thị xã Issoire miền trung nước Pháp. Hết thời gian thi hành quân dịch, ông chưa kịp tìm việc làm thì thế

chiến thứ hai bùng nổ năm 1939, ông lại bị động viên vào binh chủng Pháo Binh. Thời gian đầu ông đóng quân tại mặt trận miền đông xứ Alsace phòng thủ Đức Quốc Xã tấn công qua Pháp, nhưng sau đó ông được chuyển về làm huấn luyện viên ở Issoire là nơi có đơn vị cũ của ông. Trong khi đó, quân Đức không tràn qua biên giới Đức Pháp mà đánh bọc hậu từ nước Bỉ qua núi Ardennes rồi tiến thẳng đến Paris, tốc chiến tốc thắng. Tháng 6-1940, chính phủ Pháp của tướng Pétain phải chấp nhận đình chiến với điều kiện cắt nửa nước cho Đức Quốc Xã. Toàn bộ nội các phải rời Paris về đóng đô ở Vichy, một thành phố nhỏ ở trung tâm nước Pháp.

Khi có hiệp ước đình chiến, cha tôi cũng như đa số quân nhân trừ bị đang đóng quân trong vùng « tự do » được giải ngũ, nếu ông còn ở ngoài mặt trận sẽ bị bắt làm tù binh và đưa qua nhốt bên Đức. Ông tìm về với anh là bác sĩ Edmond lúc đó đã có vợ. Bác Edmond sau khi tốt nghiệp y khoa, phục vụ trong ngành quân y, lúc Pháp thua trận ông bị bắt làm tù binh, nhưng cùng với một bác sĩ bạn lớn tuổi hơn ông vượt ngục, trốn về vùng Dordogne miền nam nước Pháp, là quê của người bác sĩ bạn kia. Cha tôi tìm đến bác Edmond tại đây, và khi ông mở phòng mạch tại một ngôi làng nhỏ tên là Badefols-d'Ans, cả ba người (hai vợ chồng bác Edmond và cha tôi) về đây sống một thời gian ngắn.

Ngôi làng nhỏ quá, không đủ bệnh nhân cho một bác sĩ, bác Edmond phải tìm một nơi khác. Người bạn bác sĩ cùng vượt ngục với ông, trước kia có phòng mạch ở một thị xã tên là Saint-Just-en-Chaussée phía bắc của Paris. Ông nói nếu bác Edmond muốn lên đó hành nghề, có thể dùng nhà cũ của ông mở lại phòng mạch, riêng ông không muốn trở lại đây vì thị xã này giờ đây thuộc nửa nước phía bắc, dưới quyền cai trị của Đức Quốc Xã. Bác Edmond đồng ý, thế là cha tôi cũng theo hai vợ chồng bác đi ngược lên phía bắc, từ vùng tự do qua vùng tạm chiếm (thời đó phải có giấy thông hành mới qua được lần ranh chia hai vùng). Cha tôi giúp bác Edmond sửa chữa lại nhà của người bạn đã bị phá phách tan hoang để mở lại phòng mạch, sau này bác Edmond sẽ là một bác sĩ rất thành công tại thị xã này.

Trong khi đó cha tôi về Paris định tìm việc làm với bằng cấp H.E.C. của mình, nhưng thời buổi nhiễu nhương, bằng về kinh tế thương mại chẳng có việc làm phù hợp với khả năng, hơn nữa Paris lúc đó bị Đức Quốc Xã chiếm, không khí ngột ngạt nên cha tôi ngao ngán quá, bèn quyết định tìm cách về lại quê cũ là Nouvelle Calédonie.

Để thực hiện nguyện vọng này, ông phải trở lại miền nam nước Pháp, đến thị xã Puget ở bờ Địa Trung Hải. Nơi đây có một trại lính là nơi ông đóng quân trước khi giải ngũ 5 tháng trước đó. Ông hy vọng ở đây còn cơ quan của quân đội lo việc hồi hương các quân nhân từ hải ngoại đến phục vụ trên đất Pháp, nhưng chẳng may cơ quan đó đã giải tán. Ông không còn phương tiện nào để về Nouvelle Calédonie nữa cả.

Trong lúc thất vọng như thế thì có người mách là quân đội đang tuyển một số sĩ quan phục vụ tại các thuộc địa, trước mắt là để chỉ huy những người lính hồi hương về Madagascar, Maroc và Đông Dương. Ông nghĩ Đông Dương gần Nouvelle Calédonie hơn nước Pháp nhiều, hơn nữa ở đó không có Đức Quốc Xã, chính quyền vẫn trong tay người Pháp, thế là ông làm đơn xin tái ngũ để đi Đông Dương, và được chấp nhận ngay. Thời gian đăng lính lần này là 2 năm, sau đó có thể kéo dài thêm từng 6 tháng một theo yêu cầu.

Ngày 25 tháng 3-1941, Thiếu Úy Jean Caillard lên chiếc tàu thủy Compiègne của hãng thương thuyền Messageries Maritimes bị trưng dụng để chở quân nhân người bản xứ hồi hương về Đông Dương. Cha tôi viết thư về gia đình kể chuyện trên tàu ông có nhiệm vụ chỉ huy 250 lính người Việt được hồi hương sau thời gian quân ngũ bên Pháp. Đối với ông, đây là một kinh nghiệm mới lạ, lần đầu ông tiếp xúc với người Việt Nam !

Tàu phải đi vòng qua Phi Châu vì kinh Suez đóng cửa do chiến tranh, nên 3 tháng sau mới đến Sài Gòn. Tàu cập bến ngày 24 tháng 6-1941. Thiếu Úy Jean Caillard chấm dứt nhiệm vụ chỉ huy 250 người lính được hồi hương, được sung vào Trung Đoàn 5 Pháo Binh Thuộc Địa (5^e R.A.C. = Cinquième Régiment d'Artillerie Coloniale) có địa bàn hoạt động là Nam Kỳ. Thời gian đầu đơn vị của ông là « Nhóm 2, Giàn pháo 5 » đóng ngay tại Sài Gòn.

Ngay khi đến đây, ông hay tin một số quân nhân gốc từ Nouvelle Calédonie như ông đã được hồi hương từ Pháp về, có ghé Sài Gòn mấy tháng trước. Sở dĩ họ được chính phủ lo cho hồi hương vì khi còn trong trại lính ở Puget, họ không xin giải ngũ mà xin hồi hương, trong khi cha tôi xin giải ngũ, vì lúc đó ông muốn ở lại Pháp tưởng có thể tìm việc làm dễ dàng với bằng cấp của một trường nổi tiếng. Giờ đây biết được trước đó đã có tổ chức hồi hương các quân nhân cùng đơn vị, ông làm đơn xin được hồi hương như những người đi trước, nhưng bị từ chối vì chương trình đã ngưng hoạt động. Ông lại thử con đường khác là làm đơn xin giải ngũ ngay để tìm cách tự túc về Nouvelle Calédonie, nhưng mặc dù đơn vị ông

phê thuận trong đơn, Bộ Quốc Phòng vẫn bác. Lý do là ông đã đăng lính 2 năm thì phải thi hành đúng cam kết.

Tôi có trong tay những bức thư cha tôi gửi cho ông nội tôi (địa chỉ ở Nouvelle Calédonie) sau khi đến Sài Gòn, thư cuối cùng đề ngày 2 tháng 11-1941. Sau đó mất hẳn liên lạc, gia đình ở Nouvelle Calédonie hoàn toàn không biết tin tức gì về cha tôi cho tới khi chiến tranh chấm dứt 4 năm sau. Lý do là vì hai thuộc địa Đông Dương và Nouvelle Calédonie đã chọn hai chiến tuyến đối nghịch. Đông Dương vẫn theo chính phủ Pétain ở Vichy, đứng về phe Trục, cụ thể là thân Đức và Nhật, còn Nouvelle Calédonie đứng về phe chính phủ lưu vong của Tướng De Gaulle, theo phe Đồng Minh (Anh Mỹ Nga) nên liên lạc giữa hai thuộc địa bị cắt đứt. Hơn nữa sau vụ Nhật đánh úp cảng Pearl Harbor (Trần Châu Cảng) của Mỹ tháng 12-1941 khiến Mỹ phải nhảy vào vòng chiến, Thái Bình Dương đã biến thành biển lửa.

May mắn là tôi có hồ sơ cá nhân của cha tôi nên biết được phần nào sinh hoạt của ông từ khi mất liên lạc với gia đình.

Cuối năm 1941 ông được thăng cấp Trung Úy. Tháng 11 năm 1942, ông từ giả Sài Gòn, đi ra đảo Bình Ba (Pháp gọi là đảo Tagne). Chính nơi đây, mẹ tôi sống một thời gian ngắn ngủi với ông vào mùa xuân 1943.

Khi hết hai năm hợp đồng đăng lính, đáng lẽ ông được giải ngũ nhưng vì chiến tranh vẫn tiếp diễn, quân số tại Đông Dương phải giữ nguyên như cũ vì không có người thay, liên lạc giữa mẫu quốc và thuộc địa bị cắt đứt, nên ông phải tiếp tục binh nghiệp không biết đến bao giờ.

Hồ sơ sĩ quan của ông còn giữ những lời phê của thượng cấp. Ông được mọi người công nhận là « sĩ quan Pháo Binh xuất sắc, nhiều năng lực, thái độ chững chạc, hạnh kiểm rất tốt ».

Đầu năm 1944, đảo Bình Ba cũng như toàn vịnh Cam Ranh trao cho Hải Quân bảo vệ, đơn vị của cha tôi trên đảo Bình Ba giải tán. Ngày 27 tháng 2-1944, ông được chuyển qua Trung Đoàn 4 Pháo Binh Thuộc Địa (4è R.A.C.) trách nhiệm Bắc Kỳ, và đi ra Lạng Sơn gần biên giới Việt Trung. Lúc đó thành Lạng Sơn (Citadelle de Lạng Sơn) được tăng cường quân số và được củng cố hào lũy để phòng hờ một cuộc tấn công của quân Đồng Minh từ Trung Quốc qua (quân Trung Hoa Dân Quốc của Tưởng Giới Thạch thuộc phe Đồng Minh) đồng thời với một cuộc đổ bộ của quân Đồng Minh lên bờ biển Việt Nam (lực lượng đổ bộ chính là quân đội Hoa Kỳ).

Nhưng rồi cuộc đổ bộ của Hoa Kỳ lên Đông Dương để đánh quân Nhật đã không xảy ra vì Đồng Minh quyết định đánh thẳng vào đầu não của quân Nhật ngay trên nước Nhật. Và thành Lạng Sơn cũng không bị quân Đồng Minh đánh chiếm, ngược lại chính quân Nhật, cho đến lúc đó vẫn là « bạn » mượn đất của Đông Dương để đóng quân, đã lật lọng biến bạn thành thù, đánh úp quân Pháp ở Lạng Sơn cũng như trên toàn cõi Đông Dương trong đêm 9 tháng 3-1945.

Chiều ngày 10, thành Lạng Sơn thất thủ, cha tôi bị bắt làm tù binh cùng hơn một ngàn binh sĩ khác trong vùng. Trong vòng vài ngày sau đó, ông cùng chung số phận với gần 500 tù binh bị sát hại một cách dã man bằng súng, bằng gươm, bằng lưỡi lê, bằng dao găm, bằng cuốc xẻng, xác vứt vào một hố to, tẩm xăng đốt rồi lấp đất lên. Có vài người thoát được như một phép lạ, kể lại sự việc đã xảy ra, nếu không tội ác chiến tranh này chưa chắc đã được biết đến³.

Năm tháng sau, tháng 8-1945, Nhật đầu hàng, chấm dứt Đệ Nhị Thế Chiến. Nhưng gia đình cha tôi vẫn chưa biết gì về số phận của con em mình.

Qua tháng 10, ông nội tôi phải nhờ một người quen ở Paris viết thư cho Bộ Quốc Phòng hỏi về tung tích của con mình, nhưng không được trả lời.

Bác tôi là bác sĩ Edmond lúc đó vẫn hành nghề bên Pháp, cũng tìm mọi cách để biết tung tích của em. Qua người này mách người kia, ông tìm ra một Đại Úy bạn thân của cha tôi ở Lạng Sơn, bị thương được đưa về điều trị tại Quân Y Viện Val-de-Grâce ở Paris. Tháng 12-1945, ông đến thăm và được biết người Đại Úy và cha tôi đều được giấy đổi lên Lào Kay trong tuần lễ trước ngày đảo chính Nhật. Người Đại Úy đi ngay, ông bị Nhật bắt làm tù binh ở Lào Kay, ở đây không có tù binh nào bị giết cả. Trong khi đó, cha tôi chưa đi ngay được nên còn ở lại Lạng Sơn, bị quân Nhật bắt và giết. Bác Edmond cũng đành phải tin là có số phận.

Gần hai năm sau khi cha tôi mất tích, mới có giấy chính thức báo mất tích của Bộ Cựu Chiến Binh và Nạn Nhân Chiến Tranh, giấy báo số 578.768/A2 ký tại Paris ngày 12-2-1947.

Thêm hơn hai năm nữa mới có giấy báo tử số 578.768 E.C.A2 ký tại Paris ngày 9 tháng 5-1949. Trong giấy này, cha tôi được chính thức ghi « MORT POUR LA FRANCE », « Chết cho nước Pháp », một hình thức vinh danh các chiến sĩ hy sinh vì tổ quốc.

Tại Nouméa, ngay trung tâm thành phố có một khu tưởng niệm chiến sĩ trận vong rất lớn, trên tấm bia ghi tên những chiến sĩ « MORT POUR LA FRANCE » có tên Jean Caillard.



Khu tưởng niệm chiến sĩ trận vong tại trung tâm thành phố Nouméa, Nouvelle Calédonie (hình chụp ngày 20-11-2015)



Tên Jean Caillard trên bia tưởng niệm chiến sĩ trận vong (hình chụp ngày 20-11-2015)

Tại trường HEC ở Paris, hằng năm xuất bản cuốn kỷ yếu và cho đến ngày nay vẫn có ghi tên những cựu sinh viên từ ngày trường thành lập, trong đó có tên cha tôi : Jean Caillard; tốt nghiệp năm 1937, chết vì tổ quốc.

Cha tôi phục vụ trong quân đội vì bị động viên trong hoàn cảnh chiến tranh, ông không phải là một quân nhân chuyên nghiệp. Khi chiến tranh hoành hành tại Âu Châu, ông chỉ muốn được về nguyên quán ở Nouvelle Calédonie để tránh xa không khí ngột ngạt dưới chế độ Đức Quốc Xã của Hitler áp đặt lên nước Pháp. Không có cách nào về lại quê cũ, ông tình nguyện đi Đông Dương để từ đó tìm cách về Nouvelle Calédonie, dù sao cũng gần hơn là từ Pháp. Không ngờ Đông Dương đã là nơi ông có vợ, có con và cũng là mồ chôn ông một cách thảm thương, chỉ 5 tháng trước khi cuộc đại chiến chấm dứt.

Ôi, số phận một con người !

*

Tôi rờng rã bao năm trời theo đuổi việc tìm tung tích cha mình mà không biết rằng nhà tôi cũng có những việc làm âm thầm như thế. Tôi chỉ biết việc này sau khi đã tìm ra nguồn gốc gia đình, và qua những lời tâm sự của vợ. Tôi đã yêu cầu và nàng đã viết lại như sau :

*** *Tâm sự của Quán Mỹ Lan*

Lần đầu tiên tôi mới biết thương nhớ một người con trai mặc dầu đã trải qua hai lần đính hôn và những lần « đánh tiếng » của những người quen biết với cha mẹ tôi. Những lần đính hôn đó hoặc do cha mẹ hai bên định đoạt với nhau hoặc do những động lực trong gia đình khiến tôi vâng lời cha mẹ nhưng trong tâm hồn mình thì chưa biết thế nào là yêu thương thực sự.

Nhưng lần này thì chính tôi quyết định sau khi trả lời cho mình một câu hỏi là mình có thể rời bỏ cha mẹ, các em để sống suốt đời với người xa lạ này không. Và đây là lần đầu câu trả lời rõ ràng, dứt khoát và khẳng định !

Những lần trước cha mẹ tôi hài lòng nhưng các em thì có vẻ không thích lắm, tôi không hiểu tại sao, có lẽ do tuổi tác khá xa giữa các ông anh rể tương lai và lũ em nhỏ nên tôi cũng không mặn mà trái lại lần này thì tất cả các em đều “hoan hỉ” nhưng cha mẹ và bà cô tôi lại có nhiều điều nghi ngại mà cái nghi ngại lớn nhất là vì anh là một người lai. Theo cha mẹ tôi thì những người con lai thường là những người phá làng phá xóm, những người coi nhẹ tình nghĩa vợ chồng... tóm lại các cụ sợ người lai là người không chung thủy. Ngoài ra người này lại không có “nguồn gốc rõ ràng”, nghe nói có người cha dượng đấy nhưng cha ruột là ai, mẹ là người thế nào không ai biết ! Chưa hết anh lại còn là “con trai Sài Gòn” ! Đây là một yếu tố tâm lý quan trọng vì “Đà Lạt thiếu gì người theo đuổi mà con phải lấy con trai Sài Gòn ! Nếu nó có bồ bịch gì thì làm sao biết được !”

Cậu mợ tôi hết lời khuyên nhủ để tôi không thương anh nữa, tôi không dám cãi lời, chỉ biết khóc !

Thật là trái ngược !

Tôi tự biết mình chưa đủ khôn ngoan để xét người nên đã mang tất cả thư từ của anh đưa cho vị giáo sư dạy Tâm Lý và nhờ Thầy xem người này thế nào. Khi ông trả lại thư và cho biết là « được » thì tôi mới yên tâm. Và cậu mợ tôi hoảng hốt khi tôi “tuyên bố” một câu xanh rờn trong nước mắt “Cậu mợ không cho con lấy người này thì con sẽ không bao giờ lấy ai nữa”.

Chính câu nói cương quyết của đứa con gái xưa nay chỉ biết vâng lời đã làm cho ông bà suy nghĩ rất nhiều và bắt đầu tìm hiểu anh là con người thế nào khiến tôi dám nói ra một câu kinh khủng như thế !

Nhờ làm trong văn phòng của trường Adran Đà Lạt, nơi anh theo học trong 10 năm trời nên mợ tôi đọc được các thông tin bạ của anh, đọc được tất cả những lời phê của các giáo sư từng dạy anh. Khi biết anh từ nhỏ đến lớn đều đứng đầu lớp và lời phê của các thầy luôn luôn là những lời tốt đẹp nên hai ông bà hơi yên tâm về vấn đề hạnh kiểm !

Anh lại còn cái may mắn thứ hai đóng vai trò quyết định : đó là ông Khoa Trưởng phân khoa Sư Phạm nơi tôi và em gái tôi đang học lại chính là thầy cũ của anh và là người quen biết xưa nay của hai ông bà.

Chả hiểu anh có “nhờ vả” gì ông thầy không nhưng sau khi ông thầy đến thăm cậu mợ tôi thì tình hình đã sáng sủa rõ rệt, anh có thể đến chơi từ sáng đến tối mới về khách sạn, anh có thể mượn xe Lambretta của cậu tôi để đưa mấy chị em tôi đi học hoặc đến thăm bạn bè sau khi đưa ông cụ đến sở.

Rồi dần dần anh lấy được cảm tình của bà cô và bố mẹ tôi và mọi việc cứ tuần tự nhi tiền : dặm ngõ, đám hỏi và đám cưới.

Nghĩ lại đúng là cái số đã kết hợp chúng tôi một cách kỳ lạ. Tôi sinh ra ở Hà Nội, anh sinh ra ở Sài Gòn trước nhưng anh ra Hà Nội « tìm tôi » ! Bốn tuổi tôi vào Sài Gòn, anh cũng vào Sài Gòn theo ! Tôi lên Đà Lạt thì anh cũng theo lên Đà Lạt. Trường tôi gần nhà anh và trường anh gần nhà tôi. Bao nhiêu năm trời mỗi ngày đi học chúng tôi đi hai bên đường trái chiều nhau nhưng chưa bao giờ tôi « thấy » anh cũng như anh không « thấy » tôi. Trong khi đó không ít bạn cùng lớp của anh thấy tôi. Rồi anh về Sài Gòn học tôi ở lại Đà Lạt. Nhưng rồi cuối cùng anh lại phải lên Đà Lạt để cưới tôi mang về cho anh suốt đời ! Cái số xích thẳng trong truyền thuyết hình như là có thật !

Từ sau đám cưới, tôi đã nhen nhúm trong đầu làm thế nào để tìm được ra tông tích bên nội của anh. Ý tưởng ấy cứ mơ hồ khi ẩn khi hiện trong đầu dù tôi không có trong tay bất cứ dữ kiện nào ngoại trừ tờ giấy khai sinh bằng tiếng Pháp và cái tên Jean Gaillard mà ông thầy tôi vốn là thầy cũ của anh vẫn dùng gọi anh cũng như các bạn ở Adran.

Việc anh dạy học thêm ở Marie Curie khiến chúng tôi có nhiều dịp tiếp xúc với những người giáo sư Pháp dạy học tại đó và nhất là sau biến cố 30/4/1975 thì sự giao thiệp với giới chức và những nhân viên làm việc tại tòa Đại sứ sau đổi thành tòa Tổng Lãnh Sự Pháp tại Sài Gòn lại càng thường xuyên hơn.

Trong một lần đến thăm cơ quan FOEFI tại Sài Gòn, tôi đã gặp ông Georges Bazé, hội trưởng, người rất quý người Việt Nam, có lẽ vì vợ ông là người Việt. Dịp này tôi đã nói riêng với ông về hoàn cảnh của anh với hy vọng ông có hồ sơ của những người con lai để rồi qua đó tìm được tông tích người cha chồng. Dĩ nhiên việc ấy không đi đến đâu vì ông không đủ dữ kiện để tìm kiếm.

Khi sống ở Paris, tôi vừa làm trong ngành tin học vừa là cộng tác viên của đài phát thanh VOA (Voice of America, Tiếng Nói Hoa Kỳ) nên có dịp tiếp xúc nhiều với cộng đồng trong đó có một cựu tướng lãnh Pháp, Tướng Guy Simon. Ông là Chủ tịch hội « Những người cựu Đông Dương (ANAI=Association Nationale des Anciens de l'Indochine) » đã giúp rất nhiều trong việc định cư người Việt tị nạn và được nhiều người quý trọng. Tướng Simon thường xuất hiện trong những sinh hoạt của cộng đồng Việt Nam. Một lần nữa tôi nhờ cậy ông tìm kiếm tông tích bố chồng và vẫn chỉ có thể cung cấp cho ông những chi tiết mong manh. Nên dù với nhiều thiện chí của Tướng Simon, sự việc vẫn không tiến triển được mấy may.

Thời gian sống bên Mỹ khiến tôi tạm quên đi việc tìm tông tích khó khăn này.

Nhưng khi trở lại sống bên Pháp thì việc này cũng trở về trong đầu tôi.

Những bài viết của Bác sĩ Bùi Duy Tâm, cựu Khoa Trưởng Y Khoa Huế, về người côi âm và việc chính ông đã tiếp xúc, đã chứng kiến tận mắt những buổi nói chuyện rõ ràng giữa thân nhân của ông và những nhà « ngoại cảm » lại làm cho tôi hy vọng nhiều. Trở ngại lớn nhất của tôi là gặp mặt những nhà ngoại cảm đó. Sau hai lần về Việt Nam đều có « vấn đề » nên tôi chả muốn về nơi chôn rau cắt rốn nữa, mà không về thì làm sao gặp được họ để hỏi, thậm chí nói chuyện được với cha nếu tìm ra được ? Đặc biệt là bác sĩ Bùi Duy Tâm còn cho biết những người nào là đáng tin cậy và những người có manh tâm lường gạt hay chỉ là người bịa đặt chứ không có tài cán gì.

Sự may mắn chắc chưa bỏ rơi tôi hoàn toàn. Qua những sinh hoạt trên các diễn đàn, tôi được biết giáo sư Đàm Trung Phán cũng có may mắn trong việc « gặp lại » những thân nhân do các nhà ngoại cảm. Tôi liên lạc với anh Phán nhiều lần qua email với hy vọng biết đâu có nhà ngoại cảm nào đó được ra hải ngoại để tôi có thể gặp họ ? Một mặt theo đuổi công việc « đã tràng xe cát biển Đông », một mặt tôi cầu nguyện và nuôi hy vọng.

Duy chỉ có một điểm tôi không thể « lý giải » được. Đó là theo thuyết của nhà Phật thì con người sau khi chết sẽ đầu thai kiếp khác. Nếu sống đời này mình ăn ở hiền lành, lương thiện, tu thân tích đức thì sau khi hóa kiếp sẽ được trở lại đầu thai làm người. Nếu mình ăn ở bất nhân bạc ác thì sẽ đầu thai làm các con vật dơ bẩn hoặc phải làm lưng vát và như trâu bò... hay chỉ là con giun, cái kiến...

Nếu tin vào triết lý sống này thì ông bà, cha mẹ chúng ta mất đã lâu, nay chắc đã đi đầu thai hết rồi, đâu còn ở côi âm để lên gặp chúng ta hôm nay !

Nhưng hy vọng tìm được tông tích cha vẫn âm ỷ trong tôi.

Khi đọc « De Père Inconnu » tôi mới khám phá ra nhiều điều mới lạ về người chồng mình đã gán bó 46 năm trời mà tôi không hề hay biết vì tôi đã được « biết » một điều hoàn toàn khác về người cha chồng nửa thương nửa oán kia. Khi tôi biết sự thật như trong sách thì niềm hy vọng của tôi càng cao hơn và cũng càng thất vọng nhiều hơn vì một khi nhà tôi đã bỏ bao nhiêu công sức ra tìm kiếm như thế còn không được kết quả nào hưởng gì tôi chỉ dựa vào những điều mơ hồ, không vin vào được một điều cụ thể nào cả ! Tìm được/tìm không được, bên nội nhận/không nhận... là một trạng thái tâm lý đè nặng lên tôi. Duy có một điều tôi hằng tin tưởng là có những yếu tố di truyền tôi khẳng định là đến từ bên nội.

Tôi đã theo anh đi để hỏi thăm, thu thập tin tức rờng rã mấy chục (hay cả trăm) tòa thị chính (mairie) và một vài nghĩa trang tại miền Nam nước Pháp nơi cất giữ những tài liệu và một số hài cốt của các sĩ quan và binh lính Pháp chết tại Đông Dương trong đó có cả những người chết tại Lạng Sơn. Sở dĩ tìm tại đây trước vì theo lời kể của bà mẹ chồng thì có bà bác chồng sống ở Toulon, miền Nam nước Pháp, không xa Marseille. Chúng tôi tự giao hẹn là sẽ tìm được đến đâu hay đến đấy vì nước Pháp có tới 36.681 communes (đơn vị hành chính căn bản của Pháp, theo thống kê năm 2014) và nhất là không được thất vọng nếu tìm không được ! Cả hai chúng tôi không khi nào tưởng tượng được là ông sanh ra tại Nouméa, tận Tân Thế Giới !

Thế thử hỏi làm sao tôi không bật khóc ngay khi ông Philippe Lafargue báo tin đã tìm ra hồ sơ của cha chồng tôi !

Người chị con ông bác khi gặp chúng tôi lần đầu đã nói rằng « ông bố chồng tôi cứ để anh tìm kiếm đã đời (!) trải qua bao gian nan, nay ở trên thiên đàng, ông đã hội họp lớn trên đó và quyết định cho anh gặp mặt gia đình vì ông không phải là Người Cha Vô Danh, Père Inconnu như anh nghĩ ».

Ngoài ra khó có lời giải thích nào suôn sẻ hơn !

Và từ đó tôi biết là tôi có một gia đình bên nội của chồng như mọi người phụ nữ khác.

*** *Quán Mỹ Lan*

¹ Nouvelle Calédonie là một quần đảo gồm một đảo chính và vài hòn đảo nhỏ bao quanh, nằm trong vùng Nam Thái Bình Dương, phía đông bắc Úc Châu. Thành phố chính là Nouméa. Nouvelle Calédonie là một thuộc địa của Pháp từ giữa thế kỷ 19. Cuối thế kỷ 20 có cuộc nổi dậy của dân địa phương (người Kanak) đòi độc lập, cuối cùng đi đến một thỏa thuận với chính quyền Paris bãi bỏ quy chế thuộc địa, thay vào đó là một quy chế tự trị, nhưng vẫn nằm trong quốc gia Pháp.

Nguồn lợi chính ở đây là Nickel (một hòn đảo tương đối nhỏ nhưng chứa 20% quặng Nickel của toàn thế giới).

Ngày xưa có lúc người Việt gọi Nouvelle Calédonie là Tân Thế Giới. Từ cuối thế kỷ 19, người Pháp ở Đông Dương đã bắt đầu « mộ phu » từ Bắc Kỳ (lúc đó nước Việt Nam bị chia làm Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ) qua bên đó làm việc trong mỏ Nickel. Hợp đồng 5 năm, tàu thủy chở họ qua đảo, hết 5 năm họ được tàu thủy đưa về lại Việt Nam. Khi đệ nhị thế chiến bùng nổ, chuyện vận chuyển bằng tàu không thực hiện được nữa, những người hết hợp đồng không về được. Việc mộ phu cũng chấm dứt từ đây.

Trong những năm 1960, có khá đông người hồi hương về miền Bắc, một số ít về miền Nam, số còn lại định cư ở Nouvelle Calédonie.

Tác giả còn nhớ rõ một bạn cùng học trung học ở Đà Lạt, sinh ra bên Nouvelle Calédonie trong thời đệ nhị thế chiến.

² Vanuatu là một quần đảo vùng biển Nam Thái Bình Dương, cách Nouvelle Calédonie hơn 500 cây số về phía bắc. Ngày xưa có tên là Nouvelles Hébrides, dưới quyền bảo hộ chung của Anh và Pháp. Quần đảo không có nguồn lợi quan trọng như Nouvelle Calédonie, chỉ có ít người Tây phương đến đó mở đồn điền, trồng dừa là chính. Cộng Hòa Vanuatu độc lập từ năm 1980, thủ đô là Port-Vila.

³ Cuốn sách « Mourir à Lang Son » (Chết ở Lạng Sơn, nhà xuất bản Grasset, 1985) của nhà sử học Georges Fleury mô tả chi tiết cuộc chiến đấu tử thủ thành Lạng Sơn của quân đội Pháp chống lại quân đội Nhật, cũng như những gì xảy ra sau khi thành thất thủ. Tác giả đã đích thân phỏng vấn những người sống sót (đặc biệt là Đại Úy Vernières) để viết ra tài liệu lịch sử này. Trong cuốn sách, tên cha tôi và tên hai sĩ quan Pháo Binh cùng bị sát hại cũng được nhắc đến.

Đêm 12-3 rạng ngày 13, quân Nhật đưa ra khỏi phòng tạm giam từng nhóm 10 tù binh, tưởng là để chuyển trại. Không ngờ mỗi nhóm bị đưa đến một bãi trống sau một ngôi chùa rồi bị giết bằng lưỡi lê và cuộc xêng, sau đó lại đưa đến một nhóm 10 người khác. Một tù binh xông dây trời trốn thoát được, sau này kể chi tiết cuộc thảm sát (được viết lại trong cuốn sách), chính người này có nhắc đến tên cha tôi trong số tù binh bị giết đêm đó.

Theo chứng nhân này thì cha tôi bị sát hại rạng sáng ngày 13 tháng 3-1945, không phải ngày 11 như trong giấy tờ chính thức.